

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết về hoạt động đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng
các quỹ bảo hiểm do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý**

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 04/2011/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết về hoạt động đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng các quỹ bảo hiểm do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý.

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng các quỹ bảo hiểm do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý, gồm: quỹ bảo hiểm xã hội bắt buộc, quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế (sau đây viết tắt là các quỹ bảo hiểm).

2. Thông tư này áp dụng đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng các quỹ bảo hiểm do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý.

Điều 2. Nguồn vốn thực hiện hoạt động đầu tư

1. Nguồn vốn thực hiện hoạt động đầu tư tăng trưởng hàng năm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam là toàn bộ số tiền tạm thời nhàn rỗi từ các quỹ bảo hiểm do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm tập trung các khoản thu, cân đối thu, chi các quỹ bảo hiểm và xác định số tiền tạm thời nhàn rỗi để thực hiện hoạt động đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng các quỹ bảo hiểm theo quy định.

Điều 3. Xây dựng phương án đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Quyết định số 04/2011/QĐ-TTg

1. Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, nguyên tắc và các hình thức đầu tư theo quy định của pháp luật, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng phương án đầu tư trình Hội đồng quản lý phê duyệt, nội dung gồm:

a) Đánh giá tình hình thực hiện hoạt động đầu tư năm trước, ước thực hiện năm nay theo các chỉ tiêu tổng hợp và chi tiết theo từng hình thức đầu tư, gồm: Số dư nợ đầu tư, số tiền đầu tư, số tiền thu nợ (gốc, lãi), mức lãi suất đầu tư.

b) Dự kiến nội dung đầu tư trong năm kế hoạch theo các chỉ tiêu tổng hợp và chi tiết theo từng hình thức ưu tiên đầu tư, gồm: Số tiền đầu tư, thời hạn đầu tư, lãi suất đầu tư, số tiền thu nợ (gốc, lãi), số dư nợ đầu tư cuối năm.

2. Thời gian xây dựng phương án đầu tư hàng năm được thực hiện cùng với thời gian lập kế hoạch tài chính theo quy định và được tổng hợp chung trong kế hoạch tài chính của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

3. Căn cứ phương án đầu tư đã được Hội đồng quản lý phê duyệt, Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổ chức thực hiện đầu tư theo đúng chế độ quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu xét thấy cần thiết phải điều chỉnh hoặc bổ sung phương án đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả, Bảo hiểm xã hội Việt Nam báo cáo Hội đồng quản lý xem xét, quyết định.

Điều 4. Quy trình, thủ tục cho vay đối với ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định số 04/2011/QĐ-TTg

1. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay:

a) Mức cho vay do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định căn cứ vào nhu cầu vay vốn của ngân sách nhà nước và phương án đầu tư trong năm đã được Hội đồng quản lý phê duyệt.

b) Thời hạn cho vay được tính kể từ ngày cho vay đến ngày thu nợ; thời hạn cho vay cụ thể của từng hợp đồng cho vay do Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Bộ Tài chính thỏa thuận nhưng tối đa không quá 10 năm.

c) Lãi suất cho vay đối với từng khoản vay bằng lãi suất trái phiếu Chính phủ có cùng kỳ hạn phát hành tại thời điểm cho vay. Trường hợp tại thời điểm cho vay không đấu thầu hoặc bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ có cùng kỳ hạn, thì lãi suất sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định.

Đối với các khoản vay có thời hạn trên 05 năm, định kỳ 05 năm/một lần, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh lãi suất cho vay cho phù hợp để bảo đảm quyền lợi của các bên.

2. Quy trình, thủ tục cho vay:

a) Khi có nhu cầu vay vốn, Bộ Tài chính có văn bản đề nghị vay vốn gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam, trong đó nêu rõ mức vay, thời hạn vay, số lần nhận tiền vay, mục đích sử dụng tiền vay, thời gian cụ thể chuyển tiền.

b) Trong phạm vi tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị vay vốn của Bộ Tài chính (theo ngày, tháng ghi trong dấu công văn đến của đơn vị), Bảo hiểm xã hội Việt Nam kiểm tra, đối chiếu với hạn mức cho

ngân sách nhà nước vay trong năm đã được Hội đồng quản lý thông qua, nếu phù hợp thì xem xét quyết định việc cho vay; trường hợp không giải quyết cho vay thì phải có văn bản trả lời cho Bộ Tài chính và nêu rõ lý do.

c) Việc cho vay phải được lập thành hợp đồng, trong đó ghi rõ: mức vay, thời hạn vay, lãi suất vay, mục đích sử dụng tiền vay và các thoả thuận khác liên quan (lập theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này).

d) Căn cứ hợp đồng cho vay đã được ký kết, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chuyển số tiền cho vay vào tài khoản của ngân sách nhà nước.

3. Thu hồi nợ:

a) Tiền gốc được thanh toán một lần khi đến hạn.

b) Tiền lãi được thanh toán hàng năm trên số dư nợ cho vay và mức lãi suất cho vay ghi trong hợp đồng; thời điểm thanh toán lãi vào ngày tròn năm tính từ khi Bộ Tài chính nhận được vốn vay. Công thức tính:

$$\text{Số tiền lãi thanh toán hàng năm} = \text{Dư nợ cho vay} \times \text{Lãi suất cho vay (\%/năm)}$$

c) Trường hợp đến hạn trả nợ gốc trùng với thời điểm Bộ Tài chính tập trung huy động các nguồn lực để thực hiện các chính sách, nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước, Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét gia hạn nợ hoặc điều chỉnh kéo dài thời gian vay trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính.

Điều 5. Quy trình, thủ tục cho vay đối với Ngân hàng thương mại Nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 04/2011/QĐ-TTg

1. Đối tượng cho vay (sau đây gọi chung là bên vay), gồm:

a) Ngân hàng thương mại Nhà nước, bao gồm:

- Ngân hàng thương mại trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần trong đó Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ;

- Ngân hàng thương mại nhà nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

b) Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

c) Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay:

a) Mức cho vay do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định căn cứ vào nhu cầu vay vốn, khả năng trả nợ của bên vay và phương án đầu tư trong năm đã được Hội đồng quản lý phê duyệt.

b) Thời hạn cho vay được tính kể từ ngày cho vay đến ngày thu nợ; thời hạn cho vay cụ thể của từng hợp đồng cho vay do Bảo hiểm xã hội Việt Nam và bên vay thỏa thuận nhưng tối đa không quá 05 năm.

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư, tận dụng triệt để những khoản tiền tạm thời nhàn rỗi tại từng thời điểm trong năm, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chủ động trong việc áp dụng thời hạn cho vay (ngày, tuần, tháng, năm), tùy theo nhu cầu của bên vay nhưng phải đảm bảo nguyên tắc an toàn, hiệu quả, thu hồi vốn đúng thời hạn, đồng thời không ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư theo các hình thức khác đã được Hội đồng quản lý phê duyệt.

c) Lãi suất cho vay:

Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không thấp hơn mức lãi suất huy động bình quân cùng kỳ hạn của bốn sở giao dịch hoặc chi nhánh trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc bốn Ngân hàng thương mại Nhà nước tương ứng tại thời điểm cho vay. Công thức xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức lãi suất huy động bình quân cùng kỳ} \\ \text{hạn của bốn sở giao dịch hoặc chi nhánh} \\ \text{Ngân hàng thương mại Nhà nước (\%/năm)} \end{array} = \frac{L_1 + L_2 + L_3 + L_4}{4}$$

Trong đó: L_1, L_2, L_3, L_4 lần lượt là mức lãi suất huy động cùng kỳ hạn của bốn sở giao dịch hoặc chi nhánh trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc bốn Ngân hàng thương mại Nhà nước tương ứng sau đây tại thời điểm cho vay: Ngân hàng cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Việc lựa chọn bốn sở giao dịch hoặc chi nhánh nêu trên do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định.

Để phục vụ cho công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được thuận lợi, Bảo hiểm xã hội Việt Nam phải mở hồ sơ lưu đầy đủ các biểu lãi suất huy động của bốn sở giao dịch hoặc chi nhánh Ngân hàng thương mại Nhà nước đã lựa chọn để xác định lãi suất cho vay hoặc điều chỉnh lãi suất cho vay (bản chính hoặc bản phô tô hoặc bản fax).

d) Điều chỉnh lãi suất cho vay:

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng cho vay, khi mức lãi suất huy động bình quân cùng kỳ hạn của bốn sở giao dịch hoặc chi nhánh trên địa bàn thành phố Hà Nội có biến động tăng hoặc giảm đến 30% so với mức lãi suất của hợp đồng đang có hiệu lực thì Bảo hiểm xã hội Việt Nam và bên vay xem xét điều chỉnh lãi suất cho vay theo tỷ lệ tương ứng để bảo đảm quyền lợi của các bên.

- Bảo hiểm xã hội Việt Nam khi xác định lãi suất cho vay căn cứ vào mức lãi suất huy động bình quân cùng kỳ hạn của bốn sở giao dịch hoặc chi nhánh Ngân hàng thương mại Nhà nước nào, thì khi điều chỉnh lãi suất cho vay cũng

phải căn cứ vào mức lãi suất huy động bình quân cùng kỳ hạn của bốn sở giao dịch hoặc chi nhánh Ngân hàng thương mại Nhà nước đó.

đ) Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay tại thời điểm đến hạn trả nợ.

3. Quy trình, thủ tục cho vay:

a) Khi có nhu cầu vay vốn, bên vay có văn bản đề nghị vay gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam, trong đó nêu rõ: số dư nợ đang vay của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, mức vay, thời hạn vay, số lần nhận tiền vay và thời điểm chuyển tiền.

b) Trong phạm vi tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của bên vay (theo ngày, tháng ghi trong dấu công văn đến của đơn vị), Bảo hiểm xã hội Việt Nam kiểm tra, xác minh, nếu thuộc đối tượng cho vay theo quy định thì xem xét quyết định việc cho vay; trường hợp không giải quyết cho vay thì phải có văn bản trả lời cho bên vay và nêu rõ lý do.

c) Thủ tục cho vay: Việc cho vay phải được lập thành hợp đồng (lập theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này). Tùy theo điều kiện cụ thể của đối tượng cho vay, hai bên thống nhất bổ sung các điều khoản cụ thể trong hợp đồng nhưng không trái quy định tại Điều 8 Quyết định số 04/2011/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư này.

4. Thu hồi nợ:

a) Tiền gốc được thanh toán một lần khi đến hạn.

b) Tiền lãi được thanh toán hàng tháng trên số dư nợ cho vay hoặc dư nợ của từng khoản vay và mức lãi suất cho vay tại thời điểm đến hạn trả lãi; thời điểm thanh toán lãi vào ngày tròn tháng tính từ khi bên vay nhận được vốn vay. Đối với các khoản cho vay ngắn hạn dưới 03 tháng, tiền lãi được thanh toán hàng tháng hoặc một lần cùng với thu hồi nợ gốc, tùy theo thỏa thuận của các bên nhưng phải ghi rõ trong hợp đồng cho vay. Công thức tính:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Số tiền} & & \text{Dư nợ} & & \text{Lãi suất} & & \text{Số ngày vay thực tế} \\ \text{lãi thanh} & = & \text{cho} & \times & \text{cho vay} & \times & \frac{\quad}{360} \\ \text{toán} & & \text{vay} & & (\%/năm) & & \end{array}$$

5. Gia hạn nợ, cho vay lại:

a) Trước khi đến hạn trả nợ gốc 30 ngày, nếu bên vay có nhu cầu gia hạn nợ hoặc vay lại thì phải có văn bản đề nghị và nêu rõ lý do, gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét giải quyết.

b) Trong phạm vi tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của bên vay (theo ngày, tháng ghi trong dấu công văn đến của đơn vị), Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, nếu đồng ý thì cho gia hạn nợ hoặc cho vay lại, nếu không đồng ý thì phải có văn bản trả lời cho bên vay và nêu rõ lý do.

c) Trường hợp Bảo hiểm xã hội Việt Nam đồng ý cho gia hạn nợ hoặc cho vay lại thì thực hiện như sau:

- Trường hợp cho gia hạn nợ: Mỗi khoản vay chỉ được giải quyết cho gia hạn nợ một lần với thời hạn tối đa không quá 06 tháng, thời hạn gia hạn nợ cụ thể không được vượt quá thời hạn đã cho vay của hợp đồng.

- Trường hợp cho vay lại: Bên vay chưa phải trả nợ gốc nhưng phải trả hết tiền lãi của hợp đồng đã vay, sau đó cùng đại diện Bảo hiểm xã hội Việt Nam thoả thuận thống nhất thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và lập lại hợp đồng cho vay. Căn cứ hợp đồng cho vay mới đã được ký kết, Bảo hiểm xã hội Việt Nam lập chứng từ chuyển khoản thu nợ gốc của hợp đồng đến hạn và cho vay theo hợp đồng mới; thời hạn cho vay ghi trong hợp đồng mới được tính kể từ ngày đến hạn trả nợ của hợp đồng cho vay cũ.

6. Xử lý đối với các trường hợp trả nợ trước hạn, nợ quá hạn:

a) Trong thời gian thực hiện hợp đồng cho vay, bên vay có quyền trả lại vốn trước hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi đối với thời hạn cho vay còn lại của hợp đồng cho vay tương ứng với số tiền gốc trả nợ trước hạn và lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm trả nợ trước hạn. Công thức tính:

$$\text{Số tiền lãi thanh toán} = \text{Số tiền gốc trả trước hạn} \times \text{Lãi suất cho vay (\%/năm)} \times \frac{\text{Số ngày trả trước hạn}}{360 \text{ (ngày)}}$$

b) Đến hạn trả lãi, nếu bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ lãi theo quy định thì cùng với việc phải trả đủ số tiền lãi chưa trả, còn phải trả lãi đối với số tiền lãi chậm trả theo lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay tại thời điểm đến hạn trả lãi tương ứng với thời gian chậm trả. Công thức tính:

$$\text{Tiền lãi của số lãi chậm trả} = \text{Số lãi chậm trả} \times \text{Lãi suất quá hạn (\%/năm)} \times \frac{\text{Số ngày chậm trả lãi}}{360 \text{ (ngày)}}$$

c) Đến hạn trả nợ gốc, nếu bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ tiền gốc đã vay thì cùng với việc phải trả đủ số tiền gốc đã vay, còn phải trả lãi đối với số tiền gốc chậm trả theo lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay tại thời điểm đến hạn trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả. Công thức tính:

$$\text{Tiền lãi nợ quá hạn} = \text{Nợ gốc chậm trả} \times \text{Lãi suất quá hạn (\%/năm)} \times \frac{\text{Số ngày chậm trả gốc}}{360 \text{ (ngày)}}$$

Điều 6. Quy trình thực hiện đầu tư đối với các hình thức đầu tư khác quy định tại khoản 2 Điều 7 Quyết định số 04/2011/QĐ-TTg

1. Đầu tư theo hình thức mua trái phiếu, tín phiếu, công trái của Nhà nước, của Ngân hàng thương mại Nhà nước:

a) Điều kiện thực hiện đầu tư là phải thuộc danh mục đầu tư và trong phạm vi mức vốn đầu tư trong năm đã được Hội đồng quản lý phê duyệt.

b) Mức lãi suất đầu tư thực hiện theo mức lãi suất trái phiếu, tín phiếu, công trái do Nhà nước, Ngân hàng thương mại Nhà nước quy định hoặc lãi suất đầu thầu qua thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

c) Các quy định về chuyển tiền, thanh toán tiền gốc, lãi trái phiếu, tín phiếu, công trái được thực hiện theo quy định của Nhà nước và của Ngân hàng thương mại Nhà nước về phát hành trái phiếu, tín phiếu, công trái.

2. Đầu tư vào các công trình kinh tế trọng điểm quốc gia, dự án có nhu cầu lớn về vốn do Thủ tướng Chính phủ quyết định:

a) Điều kiện thực hiện đầu tư, gồm:

- Phải là công trình kinh tế trọng điểm quốc gia, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và quyết định đầu tư, nguồn vốn thực hiện đầu tư có nguồn vốn do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý.

- Phải thuộc danh mục đầu tư và trong phạm vi mức vốn đầu tư trong năm đã được Hội đồng quản lý phê duyệt.

b) Các quy định về phương thức đầu tư, phương thức thanh toán, tổ chức triển khai thực hiện, cơ chế kiểm tra, giám sát để bảo đảm sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả và các nội dung khác liên quan được thực hiện theo văn bản quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết của Hội đồng quản lý đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2012.

2. Đối với các hợp đồng cho vay được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và bên vay được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng cho vay hoặc thỏa thuận sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định tại Điều 8 Quyết định số 04/2011/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư này.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam cho vay phải thực hiện theo đúng đối tượng cho vay quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quyết định số 04/2011/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại Thông tư này. Việc cho vay đối với các trường hợp cụ thể theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có) được thực hiện theo văn bản quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ và áp dụng thủ tục cho vay theo quy định tại Thông tư này.

2. Hàng tháng, bộ phận quản lý đầu tư quỹ và kế toán thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện đối chiếu số tiền cho vay, thu nợ phát sinh trong tháng và số dư nợ của từng đối tượng cho vay để đôn đốc bên vay trả nợ (tiền gốc, lãi) đúng hạn, bảo đảm quản lý vốn vay được chặt chẽ.

3. Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam chỉ đạo cán bộ làm công tác đầu tư quỹ thường xuyên cập nhật thông tin về lãi suất trái phiếu Chính phủ và lãi suất huy động của các sở giao dịch, chi nhánh Ngân hàng thương mại Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội để phục vụ cho việc lựa chọn xác định mức lãi suất cho vay hoặc điều chỉnh lãi suất cho vay sát thực tế, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư. *ph*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao; Viện KSND tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Bảo hiểm xã hội thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Sở Tài chính, BHXH các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL. (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc, Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN. (290b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Minh

**Mẫu này áp dụng cho vay đối
với ngân sách nhà nước**

Mẫu số 01

Ban hành kèm theo Thông tư số 113/2012/TT-BTC
ngày 17/7/2012 của Bộ Tài chính

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

HỢP ĐỒNG CHO VAY

Số

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 04/2011/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 113/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chi tiết hoạt động đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng các quỹ bảo hiểm do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý;

Căn cứ đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số.... ngày... tháng... năm....

Hôm nay, ngày... tháng ... năm, tại

Chúng tôi gồm:

Bên cho vay: Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....

Tài khoản số : Tại

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Bên vay: Ngân sách nhà nước (đại diện là Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Số 28, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: Fax.....

Tài khoản số tại

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Sau khi thỏa thuận, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đồng ý cho ngân sách nhà nước vay theo các điều khoản đã được hai bên thống nhất như sau:

Điều 1. Số tiền cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

1. Số tiền cho vay (bằng số): đồng

(Bằng chữ:))

2. Thời hạn cho vay: ... năm, được tính kể từ ngày Bảo hiểm xã hội Việt Nam chuyển tiền cho vay (theo ngày, tháng, năm ghi trên chứng từ chuyển tiền của Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng phục vụ).

3. Lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng này là...%/năm.

Điều 2. Thu nợ

1. Tiền gốc được thanh toán một lần khi đến hạn. Tiền lãi được thanh toán hàng năm; thời điểm thanh toán tiền lãi vào ngày tròn năm tính từ khi Bảo hiểm xã hội Việt Nam chuyển tiền cho vay nêu tại khoản 2 Điều 1 hợp đồng này.

2. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ (gốc, lãi) trùng vào ngày lễ hoặc ngày nghỉ thì ngày trả nợ chuyển sang ngày làm việc gần nhất; số ngày tăng thêm này được tính theo mức lãi suất cho vay tại thời điểm đến hạn trả nợ (gốc, lãi).

3. Trước khi đến hạn trả nợ (gốc, lãi) 10 ngày, Bảo hiểm xã hội Việt Nam gửi thông báo thu nợ đến Bộ Tài chính để chủ động trong việc trả nợ.

4. Đến hạn thanh toán tiền lãi, tiền gốc, nếu Bộ Tài chính chậm thanh toán thì cùng với việc phải trả đủ số tiền lãi, tiền gốc, Bộ Tài chính còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay tại thời điểm đến hạn trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả.

Điều 3. Phương thức thanh toán:

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam chuyển số tiền cho vay vào tài khoản của Ngân sách nhà nước ghi tại hợp đồng này theo từng đợt như sau:

a) Tháng ... năm ... : đồng

b) Tháng ... năm ... : đồng

..... các lần tiếp theo (nếu có), tùy theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

Sau mỗi đợt chuyển tiền, Bảo hiểm xã hội Việt Nam gửi thông báo cho Bộ Tài chính biết để làm cơ sở nhận nợ.

2. Bộ Tài chính chuyển số tiền trả nợ (tiền gốc, lãi) vào tài khoản của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ghi tại hợp đồng này.

Điều 4. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng.

2. Các thoả thuận về sửa đổi, bổ sung hợp đồng này phải được thể hiện bằng văn bản của các bên.

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Sau khi Bộ Tài chính hoàn trả xong nợ vay (tiền gốc, lãi), hợp đồng coi như được thanh lý.

4. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BỘ TÀI CHÍNH
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BHXH VIỆT NAM
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

**Mẫu này áp dụng cho vay đối với
NHTMNN, NHCSXH, NHPTVN**

Mẫu số 02

Ban hành kèm theo Thông tư số 113/2012/TT-BTC
ngày 17/7/2012 của Bộ Tài chính

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

HỢP ĐỒNG CHO VAY
Số

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 04/2011/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 113/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chi tiết hoạt động đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng các quỹ bảo hiểm do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý;

Căn cứ đề nghị của(ghi rõ tên ngân hàng xin vay) tại công văn số... ngày...tháng...năm....,

Hôm nay, ngày... tháng ... năm ... tại

Chúng tôi gồm:

Bên cho vay: Bảo hiểm xã hội Việt Nam (viết tắt là BHXH Việt Nam)

Địa chỉ:

Điện thoạiFax

Tài khoản số.....Tại Ngân hàng

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ.....

Bên vay: (Ghi rõ tên ngân hàng)

Địa chỉ:

Điện thoạiFax

Tài khoản số.....Tại Ngân hàng

Đại diện: Ông (bà).....Chức vụ.....

Sau khi thỏa thuận, BHXH Việt Nam đồng ý cho bên vay theo các điều khoản đã được hai bên thống nhất như sau:

Điều 1. Số tiền cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

1. Số tiền cho vay (bằng số): đồng

(Bằng chữ:)

2. Thời hạn cho vay: (ghi rõ: số ngày hoặc tháng hoặc năm), kể từ ngày bên vay nhận được tiền vay (theo ngày, tháng, năm ghi trên chứng từ chuyển tiền của ngân hàng phục vụ).

3. Lãi suất cho vay:

a) Lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng này là...%/năm, được xác định căn cứ vào mức lãi suất huy động cùng kỳ hạn ... (nêu rõ kỳ hạn như khoản 2 Điều này) của bốn sở giao dịch, chi nhánh trên địa bàn thành phố Hà Nội sau đây tại thời điểm cho vay:

- Sở giao dịch/chi nhánh

- Sở giao dịch/chi nhánh

- Sở giao dịch/chi nhánh

- Sở giao dịch/chi nhánh

b) Điều chỉnh lãi suất cho vay: Trong thời gian thực hiện hợp đồng cho vay, khi mức lãi suất huy động bình quân cùng kỳ hạn(nêu rõ kỳ hạn như khoản 2 Điều này) của bốn sở giao dịch, chi nhánh nêu tại điểm a khoản này có biến động tăng hoặc giảm đến 30% so với mức lãi suất của hợp đồng đang có hiệu lực thì BHHX Việt Nam được quyền điều chỉnh lãi suất cho vay tăng hoặc giảm theo tỷ lệ tương ứng. Sau khi điều chỉnh, BHHX Việt Nam sẽ có văn bản thông báo cho bên vay biết về mức lãi suất cho vay mới và ngày có hiệu lực để làm cơ sở thanh toán tiền lãi.

c) Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay tại thời điểm đến hạn trả nợ.

Điều 2. Thu nợ, gia hạn nợ, cho vay lại

1. Tiền gốc được thanh toán một lần khi đến hạn.

2. Tiền lãi được thanh toán.....(ghi rõ: hàng tháng / hoặc một lần cùng thu hồi nợ gốc); thời điểm thanh toán lãi (ghi rõ: vào ngày tròn tháng cùng ngày bên vay nhận được tiền vay quy định tại khoản 2 Điều 1 hợp đồng này / hoặc cùng ngày trả nợ gốc).

3. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ (gốc, lãi) trùng vào ngày lễ hoặc ngày nghỉ thì ngày trả nợ chuyển sang ngày làm việc gần nhất; số ngày tăng thêm này được tính theo mức lãi suất cho vay tại thời điểm đến hạn trả nợ (gốc, lãi).

4. Trước khi đến hạn trả nợ gốc 30 ngày, nếu bên vay có nhu cầu gia hạn nợ hoặc vay lại thì phải có văn bản gửi BHHX Việt Nam xem xét, giải quyết cho gia hạn nợ hoặc cho vay lại theo chế độ quy định.

Điều 3. Phương thức thanh toán:

1. BHHX Việt Nam chuyển số tiền cho vay vào tài khoản của bên vay ghi tại hợp đồng này theo kế hoạch như sau:

a) Ngày ... tháng ... năm ... : đồng.

b) Ngày ... tháng ... năm ... : đồng.

..... các lần tiếp theo (nếu có), tùy theo yêu cầu của bên vay.

2. Bên vay chuyển số tiền trả nợ (tiền gốc, lãi) vào tài khoản của BHHH Việt Nam ghi tại hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của BHHH Việt Nam

1. Quyền và nghĩa vụ của BHHH Việt Nam được quy định tại các văn bản của Nhà nước được dẫn chiếu tại phần căn cứ của hợp đồng này.

2. Có trách nhiệm chuyển đủ và kịp thời vốn vay cho bên vay theo đúng thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng này.

3. Bồi thường thiệt hại cho bên vay do việc BHHH Việt Nam không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng này.

4. Thực hiện điều chỉnh lãi suất cho vay theo đúng thỏa thuận tại điểm b khoản 3 Điều 1 của hợp đồng này.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên vay

1. Được nhận vốn vay theo các điều kiện ghi trong hợp đồng này.

2. Có quyền yêu cầu BHHH Việt Nam thực hiện điều chỉnh lãi suất cho vay theo đúng thỏa thuận tại điểm b khoản 3 Điều 1 của hợp đồng này.

3. Chấp hành những quy định tại các văn bản của Nhà nước được dẫn chiếu tại phần căn cứ của hợp đồng này.

4. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của BHHH Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

5. Trả nợ đầy đủ tiền gốc, lãi theo đúng thời hạn đã thỏa thuận.

Điều 6. Phạt vi phạm hợp đồng

1. Đến hạn trả lãi, nếu bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ lãi theo quy định thì cùng với việc phải trả đủ số tiền lãi chưa trả, bên vay còn phải trả lãi đối với số tiền lãi chậm trả theo lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay tại thời điểm đến hạn trả lãi tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đến hạn trả gốc, nếu bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền gốc đã vay thì cùng với việc phải trả đủ số tiền gốc đã vay, bên vay còn phải trả lãi đối với số tiền gốc chậm trả theo lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay tại thời điểm đến hạn trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng cho vay, bên vay có quyền trả lại vốn trước hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi đối với thời hạn cho vay còn lại của hợp đồng cho vay tương ứng với số tiền gốc trả nợ trước hạn và lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm trả nợ trước hạn.

Điều 7. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có tranh chấp, hai bên sẽ chủ động thương lượng; trường hợp không thương lượng được thì sẽ đưa ra Tòa án để giải quyết.

2. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được thể hiện bằng văn bản của các bên.

3. Mọi thông báo và văn bản giao dịch giữa hai bên được gửi qua bưu điện theo địa chỉ nêu trong hợp đồng này.

4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Sau khi bên vay hoàn trả xong nợ gốc, lãi, kể cả tiền lãi quá hạn (nếu có), hợp đồng coi như được thanh lý.

5. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BHXH VIỆT NAM
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)